**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ III.2020**

**I. Thông tin chung về Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4)**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -37.1(%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ kỳ báo cáo ngày 09/30/2019; thay đổi NAV/CCQ cùng kỳ là -6.0 (%)

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVF4 là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm (nhưng không giới hạn) như: thực phẩm & nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng - bất động sản… Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ; Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn.

Quỹ VFMVF4 có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ bao gồm (nhưng không giới hạn): trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi của các tổ chức phát hành hoạt động… giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ…) không vượt quá 20% Tổng tài sản của Quỹ.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Cao

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** 28/02/2008

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/09/2020):

* Tổng giá trị tài sản ròng: **454,514,205,833.00** Việt nam đồng
* Số lượng chứng chỉ quỹ: **26,772,889.32** CCQ

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ** (ở thời điểm báo cáo):

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 30 tháng 09 năm 2020.

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu tài sản quỹ | 30/09/2020 | 30/09/2019 | 30/09/2018 |
|  | % | % | % |
| Danh mục chứng khoán  | 97.87% | 95.27% | 87.36% |
| Tài sản khác | 2.13% | 4.73% | 12.64% |
| Cộng | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | 30/09/2020 | 30/09/2019 | 30/09/2018 |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ |  454,514,205,833.00  |  722,146,220,254.00  |  1,016,994,624,589.00  |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành |  26,772,889.32  |  39,984,569.75  |  54,688,222.83  |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 16,976.65 | 18,060.62 | 18,596.22 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 17,063.42 | 18,135.45 | 18,596.23 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 14,236.31 | 16,767.36 | 16,348.26 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -39.61% | -499.46% | -368.81% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 17.88% | -151.30% | -297.08% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | -57.50% | -348.16% | -71.73% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.46% | 2.12% | 2.10% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 72.69% | 96.03% | 133.53% |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (VND) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
| 1 năm | -6.00 | -6.00 |
| 3 năm | 9.51 | 3.07 |
| Từ khi thành lập | 69.77 | 4.30 |
| Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 09/30/2020 | 09/30/2019 | 09/30/2018 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | -6.00 | -2.88 | 19.96 |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Thị trường chứng khoán Việt Nam vùa kết thúc Qúy 3, ghi nhận một quý phục hồi tốt với múc tăng 9,71% so với ngày 30/06/2020. Sau giai đoạn hồi phục mạnh của thị trường trong Quý 2, VNIndex trải qua tháng 7 giao dịch theo xu hướng tích lũy và điều chỉnh về vùng 800 điểm do tâm lý thận trọng của Nhà đầu tư. Nhưng giai đoạn sau của Quý, Thị trường chứng kiến sự hồi phục mạnh mẽ của VNIndex suốt trong tháng 8 và tháng 9 nguyên nhân chính của sự hồi phục đền từ Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh tạo tâm lý an tâm cho Nhà đầu tư quay trở lại thị trường, dòng tiền vào thị trường sôi động đã giúp chỉ số tăng trở lại vùng 900 điểm. Đóng vai trò hỗ trợ chính trong đà tăng điểm của các chỉ số là sự gia nhập của dòng tiền mới. Cũng nhờ dòng tiền bắt đáy này mà giá cổ phiếu nhóm ngân hàng tăng đều đặn, cổ phiếu chứng khoán “dậy sóng”, nhóm khu công nghiệp chủ yếu giao dịch với đà tăng...

Kết thúc tháng 9, Vnindex đóng cửa tại 905,21 điểm, tăng 80,1 điếm tương đương tăng 9,71% so với ngày 30/06/2020. Thanh khoản của thị trường cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bình quân trong quý 3 đạt gần 5.400 tỷ đồng/phiên, tương đương với bình quân quý trước đó.

Những điểm chinh của thị trường trong quý 3:

i)          Thanh khoản thị trường tăng cao, đến từ dòng tiền dồi dào từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước, trong đó có sự tham gia cùa dòng tiền Nhà đầu tư mới.

ii)         Với giao dịch Nhà đầu tư Nước ngoài: Nhà đầu tư tiếp tục có quý 3 bán ròng gần 2.900 tỷ đồng.

iii)        Thị trường có tháng đầu của quý giao dịch tích lũy sau giai đoạn tăng ấn tượng cùa tháng 5 và 6, sau đó tiếp tục đà hồi phục đi từ vùng điểm 800 lên vùng điểm 900. Đây là giai đoạn tăng cần thiết để thị trường có động lực hướng đến vúng điểm cao hơn trong 3 tháng còn lại của năm.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/ 1 đơn vị CCQ | -55.30% | -131.37% | N/A |
| Tăng trưởng Vốn/ 1 đơn vị CCQ | 142.32% | 145.00% | N/A |
| Tổng tăng trưởng/ 1 đơn vị CCQ | 87.02% | 13.63% | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/ 1 đơn vị CCQ | -6.00% | -2.88% | 19.96% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;

● Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

● Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán. Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng.

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/09/2020 | 30/09/2019 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 454,514,205,833 | 722,146,220,254 | -37.06% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ |  16,976.65  |  18,060.62  | -6.00% |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| Dưới 5000 | 1,560.00 | 1,493,706.00 | 5.58% |
| Từ 5000 - 10.000 | 161 | 1,118,647.92 | 4.18% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 197 | 4,193,196.97 | 15.66% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 66 | 9,009,163.30 | 33.65% |
| Trên 500.000 | 6 | 10,958,175.13 | 40.93% |
| **Tổng cộng** | 1,990.00 | 26,772,889.32 | 100.00% |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

**5.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường :**

GDP Việt Nam đã tăng trưởng 2,62% trong Quý 3 2020 và 9 tháng đầu năm tăng 2,12%. Khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng vẫn duy trì là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các khu vực của nền kinh tế. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 1,84% cùng kỳ. Xuất siêu là điểm nổi bật của hoạt động kinh tế 9 tháng đầu năm, ghi nhận kỷ lục mới với mức thặng dư 3,5 tỷ USD trong tháng 9, 11,5 tỷ USD trong Quý 3 2020 và 17 tỷ USD lũy kế 9 tháng năm 2020. Bên cạnh đó, vốn đầu tư tư nhân chỉ tăng 2,8% (bằng 20% mức tăng cùng kỳ năm 2019) và vốn FDI giảm 2,5% (cùng kỳ năm 2019 tăng 8,4%). Đầu tư công bắt đầu tăng tốc từ Quý 2 2020 và có sự tăng trưởng đột biến trong Quý 3 khi vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng 13,4% (tương đương 2,5 lần mức tăng cùng kỳ năm 2019). Với chủ trương đẩy mạnh đầu tư công sẽ vẫn là động lực quan trọng trong việc thức đẩy tăng trưởng Quý 4. Các dự báo cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2020 đạt mức tiệm cận 3%.

**VI. Thông tin khác :**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ VFMVF4 | Lương Thị Mỹ Hạnh | Điều hành Quỹ | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Lê Minh | Điều hành Quỹ | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Ban đại diện Quỹ | Đặng Thái Nguyên | Chủ tịch  | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế | * Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa
* Từ 2006 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt
 |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS
* Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín
 |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư  | * Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Trần Thanh Tân | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Nguyễn Minh Đăng Khánh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính | Thạc sỹ Tài chính – kinh tế | * Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |

***TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020***

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TRẦN THANH TÂN**